CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN MẮT TÂY NAM

TRUNG TÂM MẮT TÂY NAM

188 – 190 LÊ CƠ, PHƯỜNG AN LẠC, QUẬN BÌNH TÂN

ĐT: 028.2211.1628 – 028.2211.1286

PATIENT LIST - DANH SÁCH BỆNH NHÂN

DATE / Ngày: 16/04/2021 ORG. / Đoàn: EOCRO - MẮT THƯƠNG NHÌN CUỘC ĐỜI

STT	NAME / HỌ & TÊN	DOB / NĂM SINH		PROVINCE / WARD	ĐỘ IOL	
		M / NAM	F / NỮ	TỈNH / QUẬN	MP	MT
1	NGUYỄN NGỌC TỒN		1954	CHỢ MỚI- AN GIANG	19.5	
2	HUỲNH THỊ BỀN		1953	CHỢ MỚI- AN GIANG		25.0
3	NGUYỄN THỊ CHÍNH		1965	THÁP MƯỜI- ĐỒNG THÁP	23.0	
4	HỒ THỊ LỆ		1950	CẨM MỸ- ĐỒNG NAI		23.0
5	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	1957		CAO LÃNH- ĐỒNG THÁP		20.0
6	PHAN THỊ KIM LOAN		1952	TÂN CHÂU- TÂY NINH		20.0
7	NGUYỄN THỊ PHẨM		1946	CAO LÃNH- ĐỒNG THÁP	24.0	
8	BÙI HOÀNG DIỆU	1958		CAO LÃNH- ĐỒNG THÁP		21.0
9	TÔ THỊ THANH		1954	TÂN CHÂU- TÂY NINH		21.0
10	PHAN THỊ CHANH		1951	VŨNG TÀU	23.0	
11	PHẠM THỊ XIẾU		1967	CỦ CHI	20.0	
12	PHẠM THỊ XINH		1955	HÓC MÔN		20.5
13	HUỲNH VĂN LONG	1958		CHƠN THÀNH BÌNH PHƯỚC	21.5	
14	NGUYỄN AN BAN	1955		BÌNH PHƯỚC	21.0	
15	NGUYỄN VĂN LÔ	1964		CHỢ MỚI- AN GIANG		21.5
16	HỒNG LIÊM	1956		VŨNG TÀU	18.0	
17	NGUYỄN VĂN PHÁP	1979		TRẢNG BÀNG - TÂY NINH	20.5	
18	TRẦN THANH VÂN	1954		HIỆP TÂN - TÂY NINH		21.0
19	DƯƠNG HIỀN NHÂN	1963		BÌNH DƯƠNG	26.5	
20	NGUYỄN VĂN HẢI	1963		Q12		20.0
21	TRẦN HƯƠNG	1949		NINH SƠN - TÂY NINH	24.0	
22	NGUYỄN HỮU THÁI	1968		RẠCH DỪA - VŨNG TÀU	19.5	
23	LÊ THỊ LẬY		1958	CHỢ MỚI - AN GIANG		21.5
24	HUỲNH THỊ HẬU		1948	XUYÊN MỘC - VŨNG TÀU		21.5
25	HUỲNH THỊ NHANH		1962	CỦ CHI - TPHCM	20.5	

26	NGUYỄN THỊ LAN		1963	XUYÊN MỘC - VŨNG TÀU	21.5	
27	PHẠM THỊ LỜI		1958	XUYÊN MỘC - VŨNG TÀU		22.5
28	HUỲNH THỊ THU SƯƠNG		1948	Q7 - TPHCM		22.0
29	ĐỒNG THỊ ANH ĐÀO		1978	HÀM THUẬN NAM - BÌNH THUẬ	21.5	
30	TRẦN THỊ THANH HUYỀN		1958	RẠCH GIÁ - KIÊN GIANG	24.5	
31	HỒ THỊ BỒNG		1959	XUYÊN MỘC - VŨNG TÀU		23.5
32	VŨ THỊ KINH		1956	P10 - VŨNG TÀU		19.0
33	TRẦN THỊ HOA		1957	Q8 - TPHCM	20.5	
34	TRẦN THỊ LỆ		1951	GÒ VẤP - TPHCM	22.0	
35	CHUNG LỆ PHẤN		1961	P4 - Q11	18.5	
36	VŨ THỊ GIẮC		1957	RẠCH DỪA - VŨNG TÀU	21.0	
37	NGUYỄN THỊ LẮM		1957	NÔNG CỐNG - THANH HÓA	25.0	
38	TRƯƠNG THỊ MAI LOAN		1958	CỦ CHI - TPHCM	22.0	
39	TRƯƠNG THỊ VÁNH		1955	BẾN CẦN - TÂY NINH	19.5	
40	PHẠM THỊ HOA		1947	RẠCH DỪA - VŨNG TÀU		20.0
41	VÕ THỊ YẾN		1956	P3 -Q8	19.0	
42	NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	1965		THẮNG NHẤT - VŨNG TÀU		21.5
43	TRẦN VINH	1963		BÌNH THẠNH - TPHCM	19.5	
44	LƯƠNG THANH TRINH		1969	GIÒNG TRÔM - BẾN TRE	20.5	
45	NGUYỄN VĂN LÂM	1961		GÒ VẤP - TPHCM	20.5	
46	PHẠM VĂN LỰC	1949		CHỢ MỚI - AN GIANG		24.5
47	NGUYỄN VĂN TỰ	1956		TÂN CHÂU- TÂY NINH	19.0	
48	LƯƠNG VĂN DÂN	1948		TÂN CHÂU- TÂY NINH		20.0
49	NGUYỄN VĂN ÂU	1953		CHỢ MỚI - AN GIANG	19.0	
50	LÊ HỮU HỒNG	1973		CHỢ MỚI - AN GIANG		23.5
51	THẠCH THỊ PHON		1953	THUẬN AN - BÌNH DƯƠNG	21.5	
52	NGUYỄN QUỐC HOÀNG	1961		BÌNH TÂN - TPHCM		22.0
53	TRẦN THỊ PHƯỢNG		1978	CAO LÃNH- ĐỒNG THÁP	16.5	
54	NGUYỄN THỊ RY		1951	MỘ ĐỨC - QUẢNG NGÃI		20.5
55	ĐINH THỊ HỒNG		1949	GÒ VẤP - TPHCM	21.0	
56	VÕ KIM ANH		1951	VŨNG TÀU	21.5	
57	NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT		1951	Q6 -TPHCM		21.0
58	TRƯƠNG THỊ HOÀNG		1963	CHỢ MỚI- AN GIANG		22.0
59	LƯƠNG THỊ ANH		1958	TRẢNG BÀNG - TÂY NINH	20.0	
60	LƯƠNG THỊ MIỀN		1964	VŨNG TÀU		20.0
61	LÊ HẢI YẾN ANH		1970	F4 QUẬN 10		20.0

62	NGÔ THÀNH DANH	1972		TÂN BIÊN- TÂY NINH	20.5	
63	LẠI THỊ BÉ		1956	TÂN CHÂU- TÂY NINH	24.0	
64	LÊ THANH CÚC		1953	P 5. QUẬN 8	21.0	
65	HỒ THỊ THỦY		1967	GÒ DẦU- TÂY NINH		22.0
66	ĐÀO QUỐC VIỆT	1960		TÂN CHÂU- TÂY NINH		18.0
67	NGUYỄN THỊ THỜI		1963	TÂN BIÊN- TÂY NINH	22.5	
68	VÕ VĂN DƯƠNG	1955		TÂN BIÊN- TÂY NINH	19.0	
69	TRƯƠNG VĂN BO	1957		CẦU KÈ- TRÀ VINH		20.0
70	BÙI THANH LAN	1953		CẦU KÈ- TRÀ VINH		21.5
71	NGUYỄN THỊ MỸ HƯƠNG		1959	TÂN CHÂU- AN GIANG	21.0	
72	THỊ THƯA		1955	BÌNH LONG- BÌNH PHƯỚC	14.5	
73	QUÁCH THỊ MỸ HÒA		1965	30/4 SÓC TRĂNG		22.5
74	NGUYỄN THỊ SÁU		1951	LAI VUNG- ĐỒNG THÁP	22.5	
75	NGUYỄN THỊ BÉ		1946	LAI VUNG- ĐỒNG THÁP	23.5	
76	TỪ KIM TUYẾN		1956	ĐA PHƯỚC- BÌNH CHÁNH		23.0
77	NGUYỄN THỊ NHUNG		1960	LAI VUNG- ĐỒNG THÁP	23.5	
78	NGUYỄN THỊ THẬM		1956	VĨNH LONG		24.5
79	TRẦN THỊ NGON		1961	CẦN ĐƯỚC- LONG AN	19.0	
80	LÝ THỊ SAMARI		1949	LONG PHÚ- SÓC TRĂNG		2.0
81	TRẦN THỊ HẠNH		1962	TÂN CHÂU- AN GIANG	21.5	
82	NGUYỄN THỊ HỒNG QUÂN		1955	HUYỆN CUMGAR- DAK LAK		20.0
83	VÕ THỊ CƯỜNG		1948	TÂN CHÂU- AN GIANG	20.5	
84	NGUYỄN THỊ BẢY		1951	LAI VUNG- ĐỒNG THÁP		24.5
85	NGUYỄN THỊ DIỆP		1963	BÌNH LONG- BÌNH PHƯỚC	21.5	
86	NGUYỄN THỊ BẢY	1960		DĨ AN - BÌNH DƯƠNG		21.5
87	BÙI THỊ MAI		1976	CHÂU THÀNH- ĐỒNG THÁP	20.5	
88	TRẦN THỊ SINH		1963	LONG MỸ- HẬU GIANG		20.0
89	PHẠM THỊ NGÀ		1965	TÂN CHÂU-AN GIANG	20.5	
90	NGUYỄN THỊ TRIỀU		1953	LONG MỸ- HẬU GIANG	21.5	
91	NGUYỄN THỊ TƯỜNG		1956	LONG MỸ- HẬU GIANG		19.5
92	TRẦN THỊ TÁM		1951	BÌNH TÂN- VĨNH LONG	20.0	
93	NGUYỄN THỊ THẮM		1948	LONG MỸ- HẬU GIANG	18.0	
94	PHAN KIM CHÍNH	1977		LONG MỸ- HẬU GIANG	21.0	
95	NGUYỄN THỊ HỞ		1937	DĨ AN - BÌNH DƯƠNG	22.0	
96	LA THỊ YẾN		1969	DĨ AN - BÌNH DƯƠNG	20.5	
97	NGUYỄN THỊ DAI		1952	LẤP VÒ- ĐỒNG THÁP		21.5

98	TRỊNH KIM DIÊU		1951	LONG MỸ- HẬU GIANG	25.5	
99	NGUYỄN THỊ THU BA		1959	LAI VUNG- ĐỒNG THÁP	20.5	
100	NGUYỄN THỊ NƯƠNG		1950	LAI VUNG- ĐỒNG THÁP		23.0
101	TRẦN THỊ DU		1951	LẤP VÒ- ĐỒNG THÁP	21.0	
102	TRẦN THỊ TỐ LAN		1945	F8 QUẬN 4		19.5
103	NGUYỄN THỊ KỸ		1956	TÂN CHÂU- AN GIANG	21.5	
104	NGUYỄN THỊ LỆ		1957	LAI VUNG- ĐỒNG THÁP	22.0	
105	HUỲNH THỊ BÍCH		1968	CẦU QUAN -TRÀ VINH	20.5	
106	TRỊNH THỊ BA		1952	BÌNH TÂN- VĨNH LONG		22.0
107	TRỊNH THỊ SÁU		1962	BÌNH TÂN- VĨNH LONG		22.0
108	VÕ THỊ ĐÈO		1960	LAI VUNG- ĐỒNG THÁP	23.0	
109	NGUYỄN THỊ HIỀN		1960	TÂN CHÂU- AN GIANG	25.0	
110	TRẦN QUANG THẠNH	1963		CHÂU THÀNH- ĐỒNG THÁP	20.5	
111	NGUYỄN VĂN ĐÀO	1952		LONG MỸ- HẬU GIANG		24.0
112	LÊ VĂN TÔ	1951		TPHCM		20.0
113	CHÂU TẤN LỘC	1971		P.1 - QUẬN 5		22.0
114	NGUYỄN VĂN ĐÁNG	1952		TÂN CHÂU- AN GIANG	19.0	
115	LÊ VĂN ĐIỄM	1955		TÂN CHÂU-AN GIANG		22.5
116	TRẦN VĂN MẪN	1956		CẦN ĐƯỚC- LONG AN	17.5	
117	MẠC VĂN NĂM	1956		BÌNH LONG- BÌNH PHƯỚC	17.5	
118	HỒ VĂN ĐỰC	1947		TÂN CHÂU-AN GIANG	20.0	
119	PHAN TẤN TÀI	1967		LAI VUNG- ĐỒNG THÁP	20.5	
120	NGUYỄN THANH SƠN	1960		BÌNH CHÁNH		21.0
121	MAI TẤN SĨ	1962		LAI VUNG- ĐỒNG THÁP		22.5
122	HUỲNH VĂN THẢO	1938		LAI VUNG- ĐỒNG THÁP		22.5
123	NGUYỄN VĂN HÙNG	1946		TÂN CHÂU- AN GIANG	21.0	
124	PHẠM KHẮC ĐỊNH	1957		BÌNH LONG- BÌNH PHƯỚC	21.0	
125	LÊ THỊ YÊN		1960	LAI VUNG- ĐỒNG THÁP	21.0	
126	NGUYỄN THỊ ĐUA		1962	LONG HỒ- VĨNH LONG	19.5	
127	LÊ ÁNH TRÚC		1954	CẦN ĐƯỚC- LONG AN		20.5
128	HOÀNG VĂN HÙNG	1975		HOÀI CHÂU- HƯNG YÊN	24.0	
129	TRẦN THỊ LỆ THU		1961	LẤP VÒ- ĐỒNG THÁP		22.0
130	NGÔ THỊ CỤC		1967	TÂN BIÊN- TÂY NINH	18.0	
131	TRẦN THỊ HỒNG LUYẾN		1956	P13- QUẬN 4		23.5
132	HÀN NGỌC HOA		1977	P17- PHÚ NHUẬN		20.5
133	NGUYỄN THỊ LUẬN		1936	CAM BÌNH- VĨNH LONG		23.0

134	CAO THÀNH DŨNG	1974		TÂN PHÚ TÂY- BÌNH CHÁNH		20.0
135	NGUYỄN THỊ CHI		1950	TAM BÌNH- VĨNH LONG		20.0
136	LÊ THỊ HIẾU		1949	NGÃ NĂM- SÓC TRĂNG	21.5	
137	HUỲNH THỊ LÙNG		1944	THẠNH XUÂN- Q12		20.0
138	VÕ CÔNG CHÍ	1968		BIÊN HÒA- ĐỒNG NAI	21.0	
139	LƯU VĂN LŨ	1958		TÂN KIỂNG- QUẬN7		22.5
140	NGUYỄN NGỌC TRỌNG	1966		CHÂU THÀNH- BẾN TRE		24.0
141	GIANG VĂN THÀNH	1949		THẠNH HÓA- LONG AN	22.5	
142	TRÀN THIỆN THÀNH	1970		P 9- TÂN BÌNH		5.5
143	ĐOÀN QUANG THỂ	1968		BÌNH ĐẠI- BẾN TRE		24.5
144	CHÂU LƯU TUẤN	1991		THỦ THỪA- LONG AN		16.0
145	PHẠM NGỌC SÓT		1962	BÌNH ĐẠI- BẾN TRE		24.0
146	NGUYỄN VĂN MỨC	1964		ĐỨC HUỆ- LONG AN		19.5
147	TRẦN VĂN SANG	1935		BÌNH MỸ- CỦ CHI	19.5	
148						
149	LÊ THỊ MAI		1948	BÌNH ĐẠI- BẾN TRE	22.0	
150	LÊ THỊ OẢNH	1953		BÌNH ĐẠI- BẾN TRE		21.0
151	NGUYỄN THỊ NGỘ		1970	BÌNH ĐẠI- BẾN TRE		22.5
152	NGUYỄN THỊ NGỌC DƯƠNG		1959	BÌNH ĐẠI- BẾN TRE	23.5	
153	NGUYỄN THỊ KIM ANH		1952	AN PHÚ ĐÔNG- QUẬN 12	23.0	
154	LAI THỊ NHỎ		1969	TÂN AN - LONG AN	22.5	
155	VÕ THỊ NỞ		1946	CỬU NGHĨA- TIỀN GIANG		22.5
156	VÕ THỊ NHIÊN		1960	CỬU NGHĨA- TIỀN GIANG		23.5
157	VÕ THỊ CHÍNH		1951	AN PHÚ ĐÔNG- QUẬN 12	25.5	
158	NGUYỄN THỊ THIỆT		1943	CẦU NGANG- TRÀ VINH	22.5	
159	HÀ THỊ XÍU	1950		DUYÊN HẢI- TRÀ VINH		22.5
160	LÊ THỊ THAN	1954		BÌNH ĐẠI- BẾN TRE	22.0	
161	LÊ THỊ HAO		1958	THẠNH HÓA- LONG AN		24.0
162	LƯU VĂN BỔN	1957		ĐA THOẠI- LÂM ĐỒNG		21.0
163	NGUYỄN VĂN THÔNG	1948		BÌNH ĐẠI- BẾN TRE	20.5	
164	BÙI HẢI THỌ	1983		BÌNH ĐẠI- BẾN TRE		21.5
165	VÕ THANH HẢI	1953		BÌNH ĐẠI- BẾN TRE		22.0
166	HỒ CƯ	1950		CHƠN THÀNH-BÌNH PHƯỚC		22.5
167	VÕ LỰC	1948		ĐA THOẠI- LÂM ĐỒNG		23.0
168	TRẦN THỊ ÚT		1948	BÌNH ĐẠI- BẾN TRE	23.5	
169	LÊ THỊ KIM PHƯƠNG		1963	ĐỨC HUỆ- LONG AN		24.5

170	NGUYỄN THỊ THƠ		1946	ĐỨC HUỆ- LONG AN		23.0
171	PHAN THỊ BÉ SÁU		1947	AN HÒA- ĐỒNG NAI		23.0
172	TRẦN VĂN QUỚI	1968		AN BÌNH -VĨNH LONG		21.0
173	TRẦN VĂN Ô	1950		AN BÌNH -VĨNH LONG		23.0
174	VÕ HOÀI THỌ	X		BÌNH ĐẠI- BẾN TRE		22.0
175	CAO VĂN CƯ	1951		ĐỨC HUỆ- LONG AN		24.0
176	TRẦN VĂN HIẾU	1955		BÌNH ĐẠI- BẾN TRE		20.5
177	TƯỞNG KIM DUNG		1955	CHÂU THÀNH- BẾN TRE	22.5	
178	LÊ THỊ VÂN		1945	ĐA THOẠI - LÂM ĐỒNG		24.0
179	ĐINH THỊ VIỆT		1955	ĐA THOẠI- LÂM ĐỒNG		17.0
180	NGUYỄN THỊ XANH		1950	ĐA THOẠI- LÂM ĐỒNG		25.0
181	BÙI THỊ TAM		1946	CHƠN THÀNH-BÌNH PHƯỚC		17.0
182	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯƠNG		1960	CHƠN THÀNH-BÌNH PHƯỚC	19.0	
183	NGUYỄN THỊ LƯỢNG		1941	CHÂU THÀNH- BẾN TRE		20.5
184	NGUYỄN THỊ HỒNG HƠN		1953	CHÂU THÀNH- BẾN TRE		22.5
185	LÂM THỊ CHI		1950	CHÂU THÀNH- BẾN TRE		22.0
186	NGÔ THỊ THUYỀN		1959	CHÂU THÀNH- BẾN TRE		22.5
187	VÕ THỊ SƯƠNG		1959	AN PHÚ ĐÔNG- QUẬN 12		21.0
188	NGUYỄN THỊ THÚY		1963	F5- TÂY NINH	22.5	
189	LÊ THỊ SẾ		1955	BẾN CẦU- TÂY NINH		19.0
190	NGUYỄN THỊ THU THỦY		1970	TAM BÌNH- VĨNH LONG		22.5
191	NGUYỄN THỊ BÉ		1950	LONG THƯ- VĨNH LONG		19.5
192	LÊ THỊ CHI		1957	BÌNH ĐẠI- BẾN TRE		18.0
193	TRẦN THỊ KIM TRỌN		1960	HIỆP NINH- TÂY NINH	14.0	
194	TRẦN THỊ RỜ		1949	NINH THẠNH- TÂY NINH		22.5
195	VÕ HỮU TIẾN	1945		LONG KHÁNH- ĐỒNG NAI	19.0	
196	NGUYỄN THỊ KIỀU LOAN		1959	LONG KHÁNH- ĐỒNG NAI	20.5	
197	LÊ THỊ CHỮ		1964	AN NHƠN- BÌNH ĐỊNH		X
198	NGUYỄN KIM HƯƠNG		1975	CAO LÃNH- ĐỒNG THÁP	X	
199	DIỆP QUANG HÙNG	1970		QUẬN 8		X
200	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	1976		VŨNG TÀU	X	
201	ĐẶNG VĂN TRANG	1937		CHỢ MỚI- AN GIANG	X	
202	NGUYỄN VĂN THƯNG	1966		CHỢ MỚI- AN GIANG	X	
203	MAI VĂN RO	1951		CHỢ MỚI- AN GIANG	X	
204	TRẦN QUANG THUẬN	1986		HÒA THÀNH- TÂY NINH		X
205	LÂM THỊ BÍCH THUẬN		1961	THUẬN AN- BÌNH DƯƠNG		X

TỔNG CỘNG	75	129	204	100.0	104.0

Tổng số: 205 cas (205 Người)

Phaco: 196 cas

Mộng thịt : 09 cas

117	ĐỖ VĨNH LỘC	1969		XUÂN THỚI SƠN, HÓC MÔN		26.5
TỔNG CỘNG		77	130	206	101.0	106.0